

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/HS-ST

Ngày: 08/7/2026

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quýt và ông Hoàng Quang Hiên.

- Thư ký phiên toà: Bà **Đinh Thanh Hải** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà **Dương Thị Thanh Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ tên: **Chu Việt Đ**, sinh ngày 09/9/1999; CCCD số: 033099007003; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Chu Đức T (sinh năm 1978) và bà Lê Thị T1 (sinh năm 1982); Vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

- Năm 2020, Toà án nhân dân huyện Kim Động xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Năm 2021, bị Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 22/01/2023 Đ đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 22/12/2023, TAND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 01/10/2024, Đ chấp hành xong án phạt tù (bản án này xác định Đ tái phạm).

Nhân thân: Năm 2020, Công an huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh H.

*** Bị hại: Ông Trần Xuân T2, sinh 1966**

Địa chỉ: Thôn N, xã N, Hưng Yên. *(Vắng mặt)*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị Minh P, sinh năm 1975

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969

3. Chị Đinh Thị Bảo N, sinh năm 2001

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, Hưng Yên. *(Đều vắng mặt)*

4. Anh An Thành T3, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. *(Vắng mặt)*

5. Anh Ngụy Đình S, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, phường C, tỉnh Bắc Ninh. *(Vắng mặt)*

6. Anh Đỗ Hoàng T4, sinh năm 1984

Địa chỉ: Phố L, phường H, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*

7. Chị Vũ Thị T5, sinh năm 1977

8. Chị Đỗ Thị Xuân D, sinh năm 2002

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. *(Đều vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chu Viết Đ là đối tượng đã có 02 tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Hiện Đ thuê trọ tại thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên. Do không có nghề nghiệp ổn định và cần tiền tiêu xài cá nhân nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 01/01/2026, Đ đi bộ từ phòng trọ ra đường thôn N, xã N mục đích để tìm nhà người dân sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi Đ đi đến khu vực nhà ông Trần Xuân T2 và ông Trần Văn L ở thôn N, xã N. Quan sát thấy trong nhà xung quanh không có ai nên Đ trèo qua tường rào vào bên trong nhà ông L (cạnh nhà ông T2) rồi đi ra phía sau nhà ông L tiếp tục trèo qua tường gạch xây cao khoảng 02 mét sang nhà ông T2. Sau đó, Đ đi từ phía sau vườn nhà ông T2 đến sảnh chính của ngôi nhà. Tại đây, Đ đi theo cửa phụ (đang mở) vào bên trong ngôi nhà 02 tầng của gia đình ông T2, đi từ cầu thang tầng 1 lên tầng 2 để tìm tài sản nhưng không tìm thấy tài sản gì nên Đ quay xuống tầng 1. Tại tầng 1, Đ đi vào phòng ngủ của gia đình ông T2, thấy bên trong phòng ngủ có một chiếc tủ gỗ, loại 03 ngăn nên Đ dùng tay trái cầm vào tay nắm tủ rồi dùng lực mạnh giật bung cánh tủ, làm chốt khoá bên trong bị biến dạng bung ra. Sau khi mở được tủ, Đ phát hiện tại ngăn phía trên cùng có 01 túi balo màu đen, loại 03 ngăn có khoá dây

bằng kim loại. Đ kiểm tra thấy trong một ngăn của chiếc balo có số tiền 82.000.000 đồng (đều có mệnh giá 500.000 đồng). Đ lấy hết số tiền trên cho vào túi quần phía sau bên phải của Đ rồi để lại chiếc balo vào bên trong ngăn tủ, sau đó đi ra ngoài sảnh chính. Lúc này, Đ quan sát thấy phía trên tường nhà ông T2 có lắp camera (loại lắp thẻ nhớ) nên Đ đi ra phía sau vườn lấy chiếc thang bằng sắt và đi vào bên trong bếp nhà ông T2 lấy một con dao, sau đó Đ trèo lên tháo và lấy thẻ nhớ bên trong của chiếc camera. Khi lấy được thẻ nhớ Đ mang chiếc thang sắt để phía sau vườn và con dao để về vị trí cũ rồi trèo tường theo hướng trèo lúc đi vào để đi ra bên ngoài trục đường thôn Ngọc L1 rồi đi về phòng trọ. Khi về đến phòng trọ, Đ bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được 82.000.000 đồng. Đ cầm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) ra quán T7 ở thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên để nhờ chị Phạm Thị Minh P ở thôn N là chủ quán chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản ngân hàng I mở tại Ngân hàng TMCP Q (MB) của Đ. Sau đó, Đ đi về phòng trọ thay quần áo rồi bắt xe khách lên Hà Nội để đi chơi. Tại khu vực thành phố Hà Nội, Đ tiếp tục nhờ người đổi tiền để chuyển số tiền trộm cắp được vào tài khoản ngân hàng số 0989792801 mở tại Ngân hàng TMCP Q (MB) của Đ, cụ thể:

- Ngày 01/01/2026, Đ đến khu vực bến xe G, Hà Nội để nhờ anh An Thành T3 ở thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên chuyển số tiền 7.000.000 đồng.

- Ngày 02/01/2026, Đ đến cửa hàng T8, địa chỉ phường T, Hà Nội để nhờ chủ cửa hàng là anh Đỗ Hoàng T4 ở phố L, phường H, Hà Nội chuyển số tiền 15.000.000 đồng và đến quán nước ở khu vực H, Hà Nội để nhờ anh Ngụy Đình S ở thôn T, phường C, tỉnh Bắc Ninh đổi và chuyển số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 04/01/2026, Đ đến quán T9, địa chỉ thôn N, xã N để nhờ chủ cửa hàng là chị Trần Thị H ở thôn N, xã N, đổi và chuyển số tiền 7.000.000 đồng.

Sau đó Đ đã tiêu xài cá nhân hết 81.000.000 đồng. Đến ngày 04/01/2026 Đ bị phát hiện, Đ đã tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Công an xã N.

Sau khi phát hiện mất tài sản, ông T2 đã làm đơn trình báo gửi Công an xã N. Ngày 06/01/2026, Công an xã N đã bàn giao toàn bộ hồ sơ vụ việc trên cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H để tiếp tục xác minh, điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06/01/2026, chị Đình Thị Thúy H1 sinh năm 1993 ở thôn N, xã N (con dâu ông T2) giao nộp hình ảnh camera lắp tại nhà ông T2 lưu trữ trên ứng dụng camera Imou Life vào thời điểm 11 giờ 40 đến 12 giờ 25 phút ngày 01/01/2026, xuất hiện một người nam giới có đặc điểm: Đầu đội mũ lưỡi chai màu xám; mặc áo phông dài tay bên trong và áo phông cộc tay có cổ, phía trước ngực có hoạ tiết hình chữ nhật màu trắng; đi giày có dây; đeo khẩu trang màu trắng đi lại ở phía bên ngoài hiên nhà của gia đình

ông T2. Tại Biên bản làm việc về nội dung trích xuất dữ liệu hình ảnh có liên quan và nhận dạng người qua ảnh, Đ xác định người nam giới trong hình ảnh chính là Đ.

Ngày 04/01/2026, Công an xã N đã tiến hành kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, trích xuất camera tại nhà ông Trần Văn H2 sinh năm 1985 ở thôn N, xã N, thu giữ 01 đĩa DVD-R niêm phong ký hiệu H1, trích xuất camera tại nhà ông Nguyễn Hoàng L2 sinh năm 1981 ở thôn N, xã N, thu giữ 01 đĩa DVD-R niêm phong ký hiệu L1, trích xuất camera tại nhà ông Trần Văn S1 sinh năm 1965 ở thôn N, xã N, thu giữ 01 đĩa DVD-R niêm phong ký hiệu S1.

Kết luận giám định số 409 ngày 24/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh H kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 03 file video trong niêm phong ký hiệu H1, L1, S1 gửi giám định.

Ngày 06/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Chu Viết Đ tại phòng trọ ở thôn N, xã N thu giữ: 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám có nhiều hoạ tiết hoa văn, đã qua sử dụng; 01 chiếc quần bò dài màu đen, đã qua sử dụng; 01 áo phông dài tay màu đen, đã qua sử dụng; 01 chiếc áo phông cộc tay, có cổ màu đen, xám đã qua sử dụng; 01 đôi giày giả da màu đen viền đế giày màu trắng đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông T2 yêu cầu bị can Đ bồi thường số tiền 82.000.000 đồng mà Đ chiếm đoạt được của ông và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám có nhiều hoạ tiết hoa văn; 01 chiếc quần bò dài màu đen; 01 áo phông dài tay màu đen; 01 chiếc áo phông cộc tay, có cổ màu đen, xám; 01 đôi giày giả da màu đen viền đế giày màu trắng thu giữ tại chỗ ở của Đ là những trang phục mà Đ mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, bên trong lắp sim điện thoại có số thuê bao 0989.792.801 là điện thoại của Đ sử dụng để chuyển khoản và nhận chuyển khoản số tiền trộm cắp được Cơ quan CSĐT Công an tỉnh H đã nhập kho vật chứng thuộc Công an tỉnh H để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Số tiền 1.000.000 đồng Đ tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra đã nhập vào tài khoản tạm giữ của Công an tỉnh H tại Kho bạc Nhà nước khu vực 4 tỉnh Hưng Yên để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc thẻ nhớ mà Đ tháo từ thiết bị camera lắp đặt tại nhà của ông T2, Đ đã rút chiếc thẻ nhớ đi (*không nhớ địa điểm rút*) nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với anh An Thành T3, chị Trần Thị H, anh Đỗ Hoàng T4, anh Ngụy Đình S, chị Phạm Thị Minh P là những người Đ nhờ chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng và

một số người Đ nhờ đổi từ tài khoản sang tiền mặt, quá trình điều tra xác định các anh chị đều không biết số tiền Đ nhờ đổi, chuyển tiền vào tài khoản là do Đ trộm cắp được nên không có căn cứ xử lý.

Bản Cáo trạng số 49/CT- VKSKV4 ngày 18/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Chu Viết Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về xã hội làm người có ích cho gia đình.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Chu Viết Đ **từ 04 năm 03 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/01/2026.**

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ: Khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự đề nghị tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám có nhiều họa tiết hoa văn, đã qua sử dụng, 01 chiếc quần bò dài màu đen, đã qua sử dụng, 01 chiếc áo phông dài tay màu đen, đã qua sử dụng, 01 chiếc áo phông cộc tay có cổ, màu đen, đã qua sử dụng, 01 đôi giày giả da màu đen, viền đế giày màu trắng, đã qua sử dụng; - Tịch thu cho phát mại để nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng, số IMEI 350096149596474 lắp sim số thuê bao 0989792801 đã qua sử dụng. Trả lại cho ông T2 số tiền 1.000.000 đồng Đạt trộm cắp được của ông T2.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 81.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về các quyết định, hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như nội dung của bản Cáo trạng mà Đại diện viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo có hành vi chiếm đoạt số tiền 82.000.000 đồng; bị cáo đã tái phạm nay lại tiếp tục phạm tội trong trường hợp tái phạm. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hưng Yên truy tố bị cáo bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến khách thể là quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Chỉ vì thói quen chơi bời, hưởng thụ, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 82.000.000 đồng của ông Trần Xuân T2 để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự địa phương, gây dư luận xấu. Bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội trong trường hợp tái phạm nguy hiểm và phạm tội nhiều lần. Điều này thể hiện bị cáo là người không có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, coi thường pháp luật và liêm lĩnh khi thực hiện tội phạm. Vì vậy cần phải nghiêm trị đối với bị cáo đồng thời cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Có vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo và cũng là bài học giáo dục phòng ngừa chung cho mọi người.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có ông nội là ông Chu Viết X có thời gian phục vụ trong quân đội và được tặng thưởng nhiều huy chương các loại; có bà nội là bà Phùng Thị Thanh X1 đi thanh niên xung phong, hiện là thương binh hạng 4/4 nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ: Khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám có nhiều họa tiết hoa văn, đã qua sử dụng, 01 chiếc quần bò dài màu đen, đã qua sử dụng, 01 chiếc áo phông dài tay màu đen, đã qua sử dụng, 01 chiếc áo phông cộc tay có cô, màu đen, đã qua sử dụng, 01 đôi giày giả da màu đen, viền đế giày màu trắng, đã qua sử dụng; Tịch thu cho phát mại để nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng, số IMEI 350096149596474 lắp sim số thuê bao 0989792801 đã qua sử dụng. Trả lại cho ông T2 số tiền 1.000.000 đồng Đợt trộm cắp được của ông T2.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 81.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa, quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức án đối với bị cáo và các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Viết Đ phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Chu Viết Đ **04** (bốn) năm **03** (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 6/01/2026.

4. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chiếc mũ lưỡi chai màu xám có nhiều họa tiết hoa văn, 01 chiếc quần bò dài màu đen, 01 chiếc áo phông dài tay màu đen, 01 chiếc áo phông cộc tay có cổ, màu đen, 01 đôi giày giả da màu đen, viền đế giày màu trắng.
- Tịch thu cho phát mại để nộp vào ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 Promax, màu vàng, số IMEI 350096149596474 lắp sim số thuê bao 0989792801 đã qua sử dụng.
- Trả lại cho ông Trần Xuân T2 số tiền 1.000.000 đồng bị cáo Chu Viết Đ trộm cắp được của ông T2.
- Buộc bị cáo Chu Viết Đ trả lại ông Trần Xuân T2 số tiền 81.000.000 đồng (*T6 mươi mốt triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền phải trả sẽ phải chịu lãi suất quá hạn ở từng thời điểm thi hành án theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Về án phí: Bị cáo Chu Viết Đ phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 4.050.000 đồng án phí trách nhiệm dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/7/2026). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa

vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 – Hưng Yên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Ủy ban nhân dân xã Đức Hợp, tỉnh Hưng Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nam Thắng